



hóng yīng

红缨

noun · red tassel

Example Sentence

Gǔ dài jiāng jūn de qiāng shàng cháng bǎng zhe hóng yīng

古代将军的枪上常绑着红缨。

Ancient generals often tied red tassels to their spears.

Trace each character, then write the word on your own.

红 红 红 红 红 红 红 红 红

纓 纓 纓 纓 纓 纓 纓 纓 纓 纓 纓

纓 纓 纓 纓 纓 纓